TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày: 01- 4- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyển
2. Ông Trần Quang Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa*:** Ông Ksơr Y Kơn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/HSST, ngày 05 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST- HS, ngày 19 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Văn L, sinh năm 1982 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn Thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Xuân H, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1947; có vợ là Đinh Thị N và có 01 người con sinh năm 2019; tiền án: 03 tiền án: Ngày 24 tháng 5 năm 2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội Cướp giật tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù; ngày 11 tháng 6 năm 2009 bị Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội: Cướp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù; ngày 26 tháng 3 năm 2015, bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 18 tháng 4 năm 2017 chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xoá án tích; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19 tháng 12 năm 2018 và chuyển sang tạm giam ngày 21 tháng 12 năm 2018 tại nhà tạm giữ Công an huyện Ea H'Leo. Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; có vợ là Hoàng Thị T và có 05

người con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Ngày 13 tháng 3 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, ngày 28 tháng 10 năm 2017 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 06 tháng 11 năm 2018, bị Toà án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù, về tội Đánh bạc, hiện chưa chấp hành án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19 tháng 12 năm 2018 và chuyển sang tạm giam ngày 21 tháng 12 năm 2018 tại nhà tạm giữ Công an huyện Ea H'Leo. Có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nay Y K, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Buôn R, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 19 tháng 12 năm 2018, Phan Văn L rủ Nguyễn Văn T đi tìm tài sản để trộm cắp thì T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 47U1-117.69 chở L từ xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk đi đến địa bàn xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày thì T và L đi đến rẫy cà phê của anh Nay Y K thuộc thôn 4, xã E, huyện H thì thấy có 02 bao xác rắn đựng cà phê vỏ tươi để tại bìa rẫy gần đường đi, không có người trông coi thì L và T lấy trộm 02 bao cà phê đưa lên xe mô tô 47U1-117.69 chở đi tiêu thụ. Khi L và T chở 02 bao cà phê đi đến đoạn đường thuộc thôn 1, xã E thì bị Công an xã E đi tuần tra phát hiện, đưa L và T về trụ sở làm việc, L và T thừa nhận đã lấy trộm 02 bao cà phê như đã nêu trên. Công an xã E đã báo cáo sự việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo thẩm quyền.

Các bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện của mình như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận về việc định giá tài sản trong Tố tụng hình sự số 948/BB- ĐGTS, ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ea H'Leo, kết luận: 114 kg cà phê quả tươi, trị giá 832.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo đã tạm giữ một chiếc xe mô tô biển 47U1-117.69, cùng với đăng ký mô tô, xe máy mang tên Phan Văn L, đây là phương tiện Phan Văn L và Nguyễn Văn T đã sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 02 bao cà phê quả tươi có trọng lượng 114 kg, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo đã giao trả cho anh Nay Y K là chủ sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT - VKS, ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo truy tố để xét xử đối với các bị cáo Phan Văn L và Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Văn L và Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn L từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo 05 tháng 24 ngày tù tại bản án số 32/2018/HS-ST, ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk). Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (Ngày 19 tháng 12 năm 2018).

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại được tài sản anh Nay Y K không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47U1-117.69 thuộc sở hữu của bị cáo Phan Văn L sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố và cũng không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea H'Leo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19 tháng 12 năm 2018 thuộc thôn 4, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Các bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp 02 bao cà phê quả tươi của anh Nay Y K và sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 47U1-117.69 chở đi tiêu thụ thì bị Công an xã E đi tuần tra phát hiện và bắt giữ. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt được xác định 832.000 (Tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169,170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;"

Xét thấy, các bị cáo là người đã có các tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, đã chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt lần này có giá trị dưới hai triệu đồng, nên hành vi *"Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm"* của các bị cáo, đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Lời luận tội của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tính chất hành vi, mức độ, vai trò tham gia phạm tội cũng như hậu quả mỗi bị cáo gây ra là khác nhau. Vì vậy, cần phân tích đánh giá cụ thể hành vi của từng bị cáo tham gia vào việc phạm tội để việc quyết định hình phạt được chính xác.

Đối với Phan Văn L, là người rủ rê và sử dụng chiếc xe mô tô của mình làm phương tiện để chở T đi trộm cắp tài sản.

Đối với Nguyễn Văn T, là người tích cực thực hiện hành vi trộm cắp cùng với L, cùng đi tìm tài sản trộm cắp và cùng L mang tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ngoài việc xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ còn gây mất ổn định về an ninh, trật tự tại địa phương, làm cho người dân hoang mang, lo lắng. Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian nhằm tác dụng trừng trị, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị cáo T thuộc diện hộ nghèo của địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, anh Nay Y K không có yêu cầu gì về mặt dân sự, nên không đề cập giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47U1-117.69 thuộc sở hữu của bị cáo Phan Văn L sử dụng làm phương tiện phạm tội.

[6] Về án phí: Cần buộc bị cáo Phan Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ theo quy định của pháp luật. Miễn toàn bộ án hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Văn L và Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn L 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (Ngày 19 tháng 12 năm 2018)

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (Bảy) tháng tù.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là: 01 năm 24 ngày (Một năm hai mươi bốn ngày) tù (07 tháng tù + 05 tháng 24 ngày tù tại bản án số 32/2018/HS-ST, ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk). Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (Ngày 19 tháng 12 năm 2018).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nay Y K không có yêu cầu về dân sự, nên không đề cập xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47U1-117.69 cùng với giấy đăng ký mô tô, xe máy thuộc sở hữu của bị cáo Phan Văn L sử dụng làm phương tiện phạm tội.

(Đặc điểm vật chứng được mô tả tại biên bản thu giữ, giao nhận vật chứng)

Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Văn L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phan Văn L và Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Nay Y K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Bá Nhất